

BẢNG DỰ TOÁN KINH PHÍ ĐỀ ÁN SUY DINH DƯỠNG
(Kèm theo Kế hoạch số 3570 /KH-UBND ngày 25 / 8 /2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận)

DVT: triệu đồng

STT	Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2026	2022-2026	Ghi chú
1	Hỗ trợ cho cộng tác viên đi dự tập huấn, hội nghị, hội thảo do tuyển trên tổ chức hoạt động cải thiện tình trạng suy dinh dưỡng.		59,7	29,8	29,8	29,8	149	- Áp dụng mức chi theo chế độ công tác phí của QĐ 143/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh. - Trong trường hợp các quy định vận dụng, áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các chính sách trong Đề án được áp dụng theo quy định hiện hành để thực hiện
2	Tổ chức tư vấn dinh dưỡng cho PN có thai, người có con <5 tuổi	0,0	18,2	9,1	9,1	9,1	46	
2.1	Tổ chức tư vấn dinh dưỡng cho PN có thai.		9,1	4,6	4,6	4,6	23	
2.2	Tổ chức tư vấn cho BMCC < 5 tuổi SDD, thừa cân béo phì		9,1	4,6	4,6	4,6	23	#####
3	Hỗ trợ BHYT cho trẻ em uống Vitamin A		32,7	17,6	18,4	19,4	88	#####
4	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em < 5 tuổi: 2 lần/năm/xã		4,9	2,5	2,5	2,5	12	- Áp dụng mức chi theo chế độ công tác phí của QĐ 143/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh. - Trong trường hợp các quy định vận dụng, áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các chính sách trong Đề án được áp dụng theo quy định hiện hành để thực hiện
5	Đánh giá tình trạng dinh dưỡng trẻ em < 2 tuổi: 6 lần/năm/xã		14,8	7,4	7,4	7,4	37	- Áp dụng mức chi theo chế độ công tác phí của QĐ 143/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh. - Trong trường hợp các quy định vận dụng, áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các chính sách trong Đề án được áp dụng theo quy định hiện hành để thực hiện
6	Mua sản phẩm dinh dưỡng	-	1.693,4	573,7	485,6	439,8	3.193	
6.1	Mua sản phẩm cao năng lượng (HEBI) điều trị cho trẻ < 5 tuổi SDD cấp tính vừa và nặng		1.105,7	417,7	372,6	348,1	2.244	#####
6.2	Mua Đa vi chất Bibomix cho trẻ SDD còn lại		587,8	156,0	113,0	91,8	948	#####
7	Chi công tác phí tập huấn các hoạt động dinh dưỡng tại cộng đồng tuyến huyện, xã		18,8	9,4	9,4	9,4	47	- Áp dụng mức chi theo chế độ công tác phí của QĐ 143/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh. - Trong trường hợp các quy định vận dụng, áp dụng được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì các chính sách trong Đề án được áp dụng theo quy định hiện hành để thực hiện
8	Chi hỗ trợ kiểm tra, giám sát hỗ trợ các hoạt động dinh dưỡng tại cộng đồng		12,6	6,3	6,3	6,3	32	Áp dụng mức chi theo: chế độ công tác phí của QĐ 143/2017/QĐ-UBND của UBND tỉnh; khoản 1 Điều 2 của QĐ số 01/2023/QĐ-UBND ngày 06/01/2023 của UBND tỉnh.
9	Hỗ trợ mô hình DDTE chăm sóc và nuôi dưỡng trẻ nhỏ tại cộng đồng (2 xã)		6	3	3	3	15	Chưa có quy định cụ thể để áp dụng thực hiện đối với định mức 1,5 triệu đồng/xã và tổng số lượng hỗ trợ là 2 xã. Đề nghị đưa vào Nghị quyết phê duyệt nội dung, mức chi để thực hiện.
I	Tổng nhu cầu kinh phí	-	1.861	659	572	527	3.618	
II	Nguồn vốn từ CTMT QG phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN giai đoạn 2021 - 2025		728	364	364		1.456	
III	Chương trình MTQG giảm nghèo giai đoạn 2021 - 2025	-	1.133	295	207	527	2.162	

* Ghi chú: Số trẻ em từ 0-5 tuổi trên địa bàn huyện đến cuối năm 2021 là: 3.627 trẻ, trong đó tỷ lệ suy dinh dưỡng là 20,72% (752 trẻ, bao gồm: SDD cấp phải sử dụng HEPI là + Dự kiến bình quân giai đoạn 2022 - 2026: Suy dinh dưỡng cấp giảm 40%; SDD giảm 50% + Dự kiến bình quân hàng năm giai đoạn 2022-2026, trẻ em sinh ra 750 trẻ, trong đó SDD là 20% = là 150 em, bao gồm SDD cấp chiếm 20% = 30 em